

Ứng phó với đại dịch COVID-19 trong lĩnh vực giáo dục: Kinh nghiệm quốc tế và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Phạm Thu Phương*¹, Trần Thị Lan Hương²,
Vinh Bảo Ngọc³

* Tác giả liên hệ

¹ Email: phuongpt@vnu.edu.vn

Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

² Email: lanhuongviamess@yahoo.com

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam
Số 1 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

³ Email: ngocvb@vnu.edu.vn

Đại học Quốc gia Hà Nội
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

TÓM TẮT: Virus Corona (COVID-19) lần đầu tiên được phát hiện tại Vũ Hán, tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc đặt ra những thách thức với tất cả các quốc gia trên thế giới trong những điều kiện chưa từng có tiền lệ. Đại dịch đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội trên phạm vi toàn cầu, trong đó có lĩnh vực giáo dục. Mỗi quốc gia có những chiến lược ứng phó khác nhau đối với dịch bệnh và tiếp tục duy trì, điều chỉnh hoặc để xuất mới chính sách kinh tế, xã hội trong ngắn hạn và dài hạn nhằm đảm bảo các mục tiêu phục hồi sau đại dịch. Bài viết tập trung nghiên cứu và hệ thống lại những biện pháp, chính sách ứng phó của các quốc gia đối với đại dịch trong lĩnh vực giáo dục, đánh giá kinh nghiệm quốc tế gắn với những vấn đề đặt ra cho giáo dục Việt Nam. Từ đó rút ra một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong việc phát triển giáo dục sau đại dịch.

TỪ KHÓA: COVID-19, giáo dục, chính sách, kinh nghiệm, Việt Nam.

→ Nhận bài 04/11/2023 → Nhận bài đã chỉnh sửa 25/11/2023 → Duyệt đăng 25/12/2023.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12311211>

1. Đặt vấn đề

Việt Nam hiện đã và đang duy trì mục tiêu kép quan trọng: Bảo vệ sức khỏe của nhân dân khỏi dịch bệnh đồng thời phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Với chiến lược này, nước ta đã thành công trong việc kiểm soát dịch bệnh cũng như duy trì hoạt động kinh tế và xã hội bình thường sau đại dịch COVID-19.

Trong lĩnh vực giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Kế hoạch số 353/KH-BGDĐT ngày 29 tháng 3 năm 2022, nhằm điều chỉnh để thích nghi với tình hình dịch COVID-19 và đảm bảo chất lượng và an toàn trong quá trình dạy học [1]. Ngày 18 tháng 4 năm 2023, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Công văn số 1687/BGDĐT-GDTC, yêu cầu các Sở Giáo dục và Đào tạo cùng các cơ sở giáo dục tiếp tục thực hiện các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa sự lây lan của dịch trong môi trường giáo dục [2]. Mặc dù đã có những thành công trong việc kiểm soát dịch, ngành Giáo dục ở Việt Nam vẫn đối mặt với nhiều thách thức. Các phân tích và đánh giá kinh nghiệm quốc tế sẽ được tích hợp để đối phó với những khó khăn cụ thể trong bối cảnh giáo dục toàn cầu. Việc xem xét những vấn đề như điểm nghẽn và tính khả thi của các biện pháp sẽ là cơ sở cho việc đưa ra các chính sách nhằm ổn định và phục hồi hệ thống giáo dục của Việt Nam trong tương lai.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khả năng ứng phó đối với những thay đổi của giáo dục trong đại dịch COVID-19

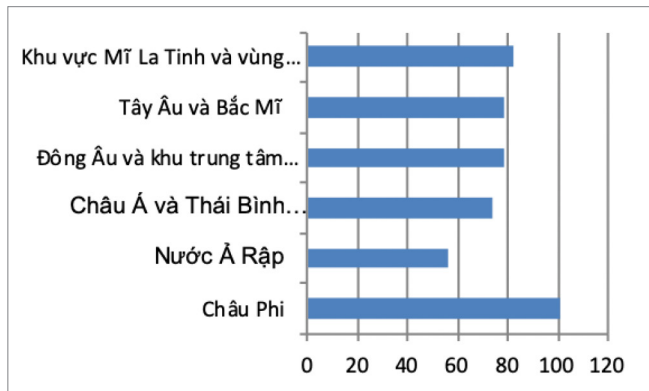
2.1.1. Sự thích ứng khi đại dịch COVID-19 diễn ra

Trong đại dịch COVID-19, học trực tuyến trở thành

phần quan trọng của giáo dục hiện đại, yêu cầu hệ thống giáo dục sẵn sàng thích ứng với sự thay đổi. Việc đảm bảo học liên tục trong thời gian đóng cửa trường là ưu tiên hàng đầu của các chính phủ toàn cầu. Nhiều quốc gia chuyển từ giảng dạy truyền thống sang học trực tuyến, đòi hỏi sự thay đổi của giáo viên trong tổ chức học tập. Hạn chế di chuyển đã mở cửa cho phương thức học tập linh hoạt trong giáo dục đại học, tạo ra sự thay đổi bền vững hướng tới học trực tuyến trong tương lai. Các quốc gia xây dựng giải pháp bền vững để hỗ trợ học tập liên tục trong đại dịch, đặc biệt là hỗ trợ nhóm khó khăn (xem Hình 1). Ví dụ, Algeria cung cấp nền tảng học trực tuyến cho mọi cấp học, Tây Ban Nha hỗ trợ Educlan cung cấp tài liệu giáo dục mở, Liban cung cấp tài khoản học đa ngôn ngữ, Pháp triển khai chương trình Ma classe à la maison, Thụy Sĩ cung cấp thông tin và tài nguyên trực tuyến. Ngoài ra, các giải pháp giáo dục trực tuyến đơn giản hơn cũng được triển khai, như Costa Rica sử dụng mạng xã hội để truyền đạt kế hoạch đọc sách, Italia sử dụng các công cụ mạng xã hội để duy trì mối quan hệ giữa giáo viên và học sinh. Estonia chia sẻ công cụ giáo dục kỹ thuật số với các quốc gia khác, trong khi Vương quốc Anh tập trung vào phát triển khả năng và kỹ năng kỹ thuật số cũng như thúc đẩy an ninh kỹ thuật số. Trên thế giới, giáo viên và quản lý trường sử dụng ứng dụng để giao tiếp, thực hiện bài giảng trực tuyến và ghi lại khóa học trực tuyến mở (MOOC). Nội dung học tập cũng được phát sóng trên truyền hình và các phương tiện truyền thông khác. Mexico kết hợp

giáo dục từ xa với truyền hình mở để đảm bảo tiếp cận cho tất cả học sinh.

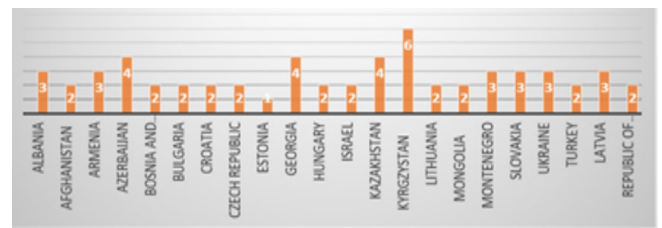
Trung Quốc là ví dụ tiêu biểu về sự phản ứng nhanh chóng trước đại dịch COVID-19 bằng cách kết hợp Bộ Giáo dục và Bộ Công nghệ để đảm bảo học sinh không bị gián đoạn học tập. UNESCO đánh giá rằng, Trung Quốc đã có sẵn cơ sở đào tạo từ xa và tổ chức quy mô để đáp ứng nhu cầu học trực tuyến. Mặc dù Trung Quốc đã chuẩn bị và cung cấp cơ hội học trực tuyến cho một tỉ lệ lớn học sinh nhưng họ cũng phải đối mặt với các thách thức về cơ sở dữ liệu và vấn đề bản quyền.



(Nguồn: UNESCO, 2022)

Hình 1: Nền tảng và công cụ học tập quốc gia

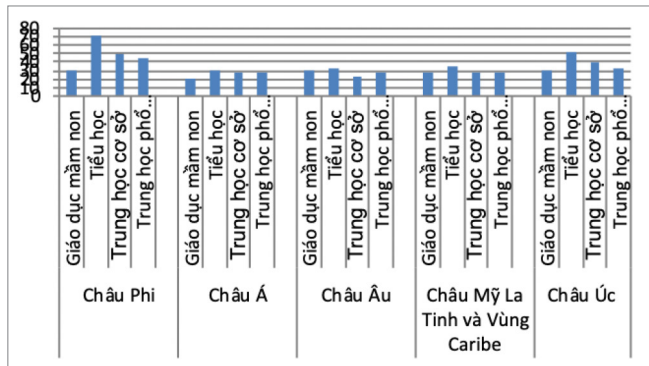
Ở những vùng có kết nối hạn chế, Chính phủ sử dụng các phương thức truyền thống hơn cho đào tạo từ xa, bao gồm chương trình truyền hình và đài phát thanh giáo dục, cùng với việc phân phối tài liệu in (xem Hình 2). Tuy nhiên, sự phù hợp của phương thức này biến đổi đáng kể. Tỉ lệ sử dụng đào tạo từ xa giảm từ khoảng 80-85% ở các quốc gia có thu nhập cao xuống dưới 50% ở các quốc gia có thu nhập thấp. Sự thiếu hụt này do những vấn đề như khoảng cách công nghệ, thiếu cơ sở hạ tầng, và hiểu biết về công nghệ số thấp trong học sinh, phụ huynh và giáo viên. Bên cạnh đó, việc đóng cửa trường học đã yêu cầu thay đổi cách đánh giá học tập. Trong hầu hết các quốc gia, các kì thi đã bị hoãn hoặc hủy bỏ và đã có sự thay thế bằng các hình thức đánh giá liên tục hoặc kiểm tra trực tuyến. Sự tiến bộ



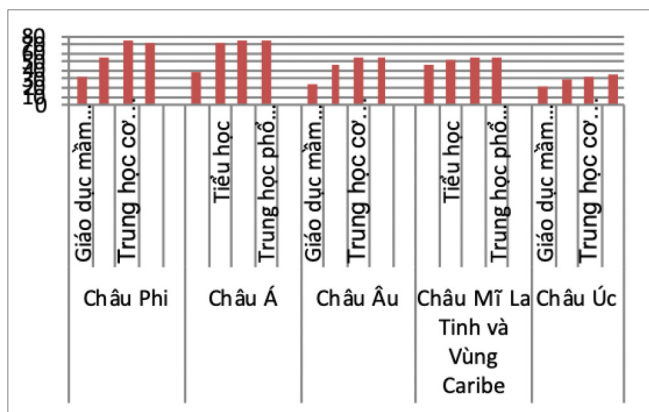
(Nguồn: UNESCO, 2022)

Hình 2: Các chỉ số của Đông Âu và Trung Á trên các công cụ và nền tảng học tập quốc gia

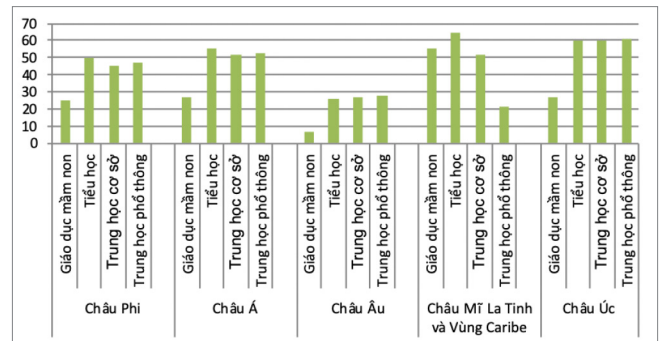
Đài phát thanh



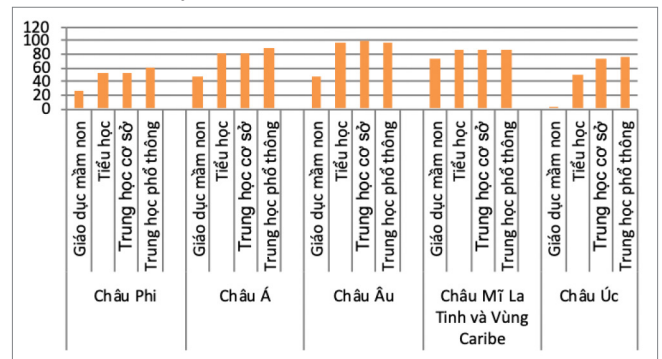
Tivi



Học tập trên tài liệu giấy



Học trực tuyến



Hình 3: Lựa chọn về thích ứng phương tiện học trong thời gian trường học đóng cửa do COVID-19 theo trình độ giáo dục và khu vực (%) (Nguồn: OECD - Education in the time of COVID-19)

của học sinh đã được theo dõi thông qua điện thoại di động, dữ liệu từ các nền tảng và ứng dụng học tập, qua đó đánh giá nhanh để xác định khoảng cách học tập. Tuy nhiên, tất cả các giải pháp này đều đối mặt với thách thức về công bằng trong giáo dục.

Các quốc gia đã điều chỉnh hoạt động dịch vụ và hậu cần để thích ứng với đại dịch COVID-19 (xem Hình 3). Hơn 70 quốc gia đã điều chỉnh chương trình cung cấp thực phẩm tại trường học để hỗ trợ trẻ em trong thời gian trường học đóng cửa. Gần 50 quốc gia đã cung cấp dịch vụ giao khẩu phần ăn về nhà cho trẻ em và gia đình thông qua nhiều phương thức khác nhau. 22 quốc gia đã thay thế các bữa ăn bằng phiếu mua hàng hoặc tiền mặt cho các gia đình. Trong tổng số 6,9 triệu người học ở 45 quốc gia thu nhập thấp đã nhận được sự hỗ trợ về khẩu phần ăn mang về nhà từ Chính phủ và tổ chức Liên Hợp quốc.

Theo Krishnamurthy, COVID-19 đã dẫn đến sự chuyển đổi lâu dài về quản lý giáo dục thông qua công nghệ [3]. Một nghiên cứu khác của Baber đã phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng E-learning để ứng phó với COVID-19 bằng cách sử dụng mô hình chấp nhận công nghệ song song với đặc điểm của người dạy và học sinh [4]. Kết quả cho thấy, tất cả các yếu tố này đều tác động đáng kể đến ý định sử dụng E-learning. Nghiên cứu của S. Chauhan so sánh ý định tiếp tục sử dụng giáo dục trực tuyến của giáo viên, học sinh ở Ấn

Độ và Ý để ứng phó với COVID-19 [5]. Nghiên cứu sử dụng lý thuyết xác nhận kỳ vọng và sự phù hợp của công nghệ cho thấy các yếu tố như tính hữu ích được thừa nhận, cùng với đó sự hài lòng và công nghệ phù hợp có tác động đáng kể đến ý định tiếp tục sử dụng giáo dục trực tuyến sau đại dịch. David Máté Hargitai chỉ ra những bài học rút ra từ các trường đại học trong quá trình chuyển đổi sang giáo dục trực tuyến, tập trung vào mối quan hệ giữa quản lý tri thức trong trường đại học và học tập kỹ thuật số [6]. Các nghiên cứu đều cho thấy, việc học trực tuyến đã tạo ra sự thay đổi lâu dài trong giáo dục thông qua công nghệ. Các quốc gia cần xem xét những yếu tố này khi phát triển chiến lược dạy học trong tương lai.

2.1.2. Triển khai linh động việc dạy và học trực tuyến

Sự bất bình đẳng trong việc tiếp cận và chất lượng giáo dục đã xuất hiện, đặc biệt giữa thành phố và nông thôn, cũng như giữa các gia đình khác nhau. Để kiểm soát COVID-19, nhiều quốc gia khuyến khích học từ xa. Tuy nhiên, việc học trên đài phát thanh và truyền hình thích hợp ở thành thị nhưng không thích hợp ở nông thôn do hạn chế về điện. Ở Ethiopia, hơn 80% dân số sống ở khu vực nông thôn với khả năng tiếp cận hạn chế hoặc không có điện. Do đó, học sinh ở khu vực này rất khó tiếp thu các bài học. Các trường

Bảng 1: Những thuận lợi và khó khăn khi triển khai dạy và học trực tuyến trong giai đoạn COVID-19

Những thuận lợi	Những khó khăn
Khả năng truy cập: Người học linh hoạt về thời gian và địa điểm, cho phép họ tự chọn nơi và thời điểm học, và tham gia chủ động vào các nhóm chủ đề trong môi trường giáo dục mở.	Giao tiếp kém: Học trực tuyến dẫn đến thiếu cơ hội gặp gỡ giáo viên trực tiếp, gây hiểu sai hoặc thiếu nhận thức về tài liệu và kém giao tiếp với giáo viên.
Học tập cá nhân hóa: Học tập cá nhân hóa thông qua E-learning cho phép người học tự quản lý cách thức học tập, mục tiêu, nội dung, kỹ năng cá nhân, kiến thức hiện tại nâng cao trải nghiệm học tập và phát triển kỹ năng công nghệ thông tin.	Cảm giác bị cô lập: Học trực tuyến mà không có bạn bè hoặc tương tác trực tiếp với giáo viên làm người học cảm thấy cô đơn và căng thẳng, gây ra nguy cơ bỏ học.
Phát triển khả năng nhận thức: Người học sử dụng E-learning có thành tích cao hơn bạn đồng trang lứa, vì họ có khả năng học và tiếp thu kiến thức dễ dàng thông qua các tài liệu trực tuyến.	Thiếu động lực: Giảm động lực của người học do dễ bị phân tán, tùy thuộc vào sự hỗ trợ từ bạn bè và giáo viên ở trường, tạo cảm xúc học tập không đồng đều.
Hiệu quả về chi phí: Học trực tuyến tiết kiệm chi phí vì không cần mua sách giáo trình, khảo sát, hoặc du lịch thực tế. Thay vào đó, du lịch và tham quan ảo có thể diễn ra ở bất kỳ đâu mà không phải lo về chi phí di chuyển, giúp giảm thiểu các chi phí.	Thiếu vốn: Vấn đề về thiếu vốn là một khía cạnh yếu của công nghệ như chi phí, bản quyền, phần cứng, hạ tầng internet, tạo tài liệu học....
Thúc đẩy nghiên cứu: Người học có khả năng tạo ra sản phẩm chất lượng cao. Việc xuất bản các tác phẩm thông qua video và sản phẩm công nghệ có thể xây dựng một kho lưu trữ giá trị cho các khóa học.	Chất lượng chưa cao: Có vấn đề về độ tin cậy của các khóa học, cùng với việc chuẩn bị tài liệu học kém chất lượng từ phía giảng viên.
Kỹ năng máy tính cơ bản: Kỹ năng máy tính cơ bản được cải thiện khi người học thường xuyên sử dụng máy tính trong quá trình học.	
Cơ hội bình đẳng cho tất cả: Tất cả học sinh đều bình đẳng, bất kể họ là người khuyết tật hay đến từ chủng tộc, tôn giáo, đẳng cấp, giới tính, tín ngưỡng...	
Tự điều chỉnh thời gian: Tự do điều chỉnh tốc độ học tập mà không bị ràng buộc bởi thời gian, cho phép họ hoàn thành khóa học theo ý muốn của mình.	

ở thành phố sử dụng Google Classroom và ứng dụng khác nhưng việc giám sát thiếu sót có thể ảnh hưởng đến hiệu suất học tập của học sinh. Giáo viên và học sinh thường không truy cập Internet do giới hạn bản quyền. Học sinh nghèo, trình độ thấp và thiếu động lực học bị ảnh hưởng nhiều nhất. Khi thực hiện học trực tuyến, bên cạnh những thuận lợi, nhiều khó khăn ảnh hưởng đến sinh viên/học sinh cũng xuất hiện trong đại dịch COVID-19 (xem Bảng 1).

2.1.3. Hợp tác để cùng phát triển giáo dục công bằng

Trong bối cảnh đại dịch COVID-19, các quốc gia đã thực hiện những kế hoạch ứng phó khẩn cấp để đảm bảo việc học tập liên tục và cung cấp giáo dục chất lượng, bình đẳng và toàn diện. Các biện pháp bao gồm: Việc sản xuất tài liệu dạy và học trực tuyến, mở rộng đào tạo từ xa và thúc đẩy mục tiêu công bằng trong giáo dục, đảm bảo quyền truy cập công bằng vào tài nguyên học tập kỹ thuật số, tạo điều kiện học tập tốt, đáp ứng nhu cầu xã hội, hỗ trợ học sinh dễ bị tổn thương cùng với sự hỗ trợ của giáo viên.

Cung cấp quyền truy cập công bằng và toàn diện vào các tài nguyên học tập kỹ thuật số

Phản ứng phổ biến khi đóng cửa trường học là tạo nền tảng học trực tuyến để hỗ trợ giáo viên, học sinh và gia đình. Tuy nhiên, việc truy cập công nghệ thông tin và truyền thông không công bằng và có sự khác biệt giữa các quốc gia. Học sinh dễ bị ảnh hưởng nhất, có thể không có quyền truy cập tài nguyên học tập kỹ thuật số. Một số chính phủ và tổ chức xã hội dân sự đã cung cấp máy tính hoặc máy tính bảng cũng như thiết bị để truy cập Internet hoặc tổ chức giảng dạy qua các phương tiện truyền thông.

Hợp tác với các phương tiện truyền thông giáo dục quốc gia, cung cấp tài nguyên học tập trực tuyến miễn phí để tiếp cận tất cả người học

Các nước đã hợp tác với phương tiện truyền thông và tạo ra nhiều giải pháp để cung cấp tài liệu giáo dục cho học sinh. Pháp đã hợp tác với phương tiện truyền thông quốc gia. New Zealand đã phát triển không gian học tập trực tuyến và các chương trình truyền hình đặc biệt. Bồ Đào Nha đã triển khai chương trình “Estudo Em Casa” tập trung vào học sinh tiểu học và trình chiếu trên các kênh truyền hình công cộng. Colombia đã tạo nền tảng trực tuyến cung cấp với hơn 80.000 tài liệu giáo dục miễn phí cho các gia đình thu nhập thấp. Vương quốc Anh đã thu thập thông tin hữu ích cho học sinh và gia đình có nhu cầu giáo dục đặc biệt, phát triển tài liệu giáo dục đặc biệt.

Phát thiết bị điện tử và tài liệu học tập miễn phí

Một số quốc gia đã phân phối tài liệu miễn phí cho sinh viên không thể truy cập qua công nghệ. Bộ Giáo dục Chile đã phân phát tài liệu in cho hơn 380.000 học sinh ở các vùng nông thôn và khó khăn. Chile đã phân phối gần 125.000 máy tính có kết nối Internet. Chính

phủ Slovenia đã thu thập hàng nghìn thiết bị điện tử để hỗ trợ trẻ em không có máy tính. Italy đã cung cấp máy tính và máy tính bảng cho học sinh không có thiết bị kỹ thuật số. Ở Hi Lạp, học sinh tại các trại tị nạn nhận được bài tập về nhà hàng tuần. Bồ Đào Nha đã hợp tác với tổ chức để cung cấp máy tính và thiết bị truy cập Internet cho học sinh khó khăn.

Cung cấp quyền tiếp cận công bằng và toàn diện với các điều kiện học tập tốt

UNICEF đã hỗ trợ học sinh dễ bị tổn thương bằng cách cung cấp đài phát thanh chạy bằng năng lượng mặt trời và sách giáo khoa. Để đảm bảo chất lượng học tập liên tục trong đại dịch, Bộ Giáo dục Kenya đã phối hợp với Viện Phát triển Chương trình giảng dạy Kenya (KICD) cung cấp bài học trực tuyến qua nhiều phương tiện truyền thông như phát thanh, truyền hình và Internet. Ngoài ra, nhiều ứng dụng công nghệ giáo dục đã được sử dụng cho học tập trực tuyến từ mầm non đến trung học.

Phát triển quan hệ đối tác công và tư

Phát triển quan hệ đối tác công và tư đã dẫn đến sự hợp tác của nhiều tập đoàn và liên minh học tập trên toàn cầu. Chính phủ, nhà xuất bản, chuyên gia giáo dục, nhà cung cấp công nghệ và nhà khai thác mạng viễn thông đã cùng nhau hợp tác để tạo sử dụng nền tảng kỹ thuật số làm giải pháp tạm thời trong thời kỳ khủng hoảng. Ví dụ, Bộ Giáo dục Trung Quốc đã hợp tác với Bộ Công nghiệp và Công nghệ Thông tin để phát triển nền tảng học tập trực tuyến dựa trên điện toán đám mây và nâng cấp cơ sở hạ tầng giáo dục trực tuyến. Tại Hồng Kông, diễn đàn Readtogether.hk được xây dựng bởi một tập đoàn hợp tác gồm hơn 60 tổ chức giáo dục, nhà xuất bản, phương tiện truyền thông và chuyên gia giải trí, cung cấp tài liệu giáo dục đa dạng và đặt kế hoạch phát triển dài hạn. UNESCO đã thành lập liên minh Giáo dục toàn cầu với hơn một trăm tổ chức khác nhau, bao gồm tổ chức tư nhân và quốc tế, để bảo vệ quyền giáo dục trong thời kỳ gián đoạn từ ứng phó đến phục hồi.

2.2. Các chính sách ứng phó của ngành Giáo dục tại các quốc gia trong bối cảnh đại dịch COVID-19 và bài học cho Việt Nam

2.2.1. Chính sách tài khóa

Trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế do đại dịch, nhiều quốc gia đặt chính sách tài khóa là lựa chọn đầu tiên nhằm ứng phó khủng hoảng: giảm chi tiêu công, giảm thuế, hoãn thuế hoặc miễn thuế, điều chỉnh lại ngân sách, thiết lập các quỹ hỗ trợ... hoặc thiết lập các thể chế đặc thù cho hợp tác công tư trong giáo dục, ví dụ như Nhật Bản.

Thực tiễn, lựa chọn của đa số các quốc gia, kể cả quốc gia đang phát triển và quốc gia phát triển là hoãn thuế chứ không tập trung vào miễn và giảm thuế. Nhật Bản, Hàn Quốc, Thụy Điển gia hạn thời gian truy thu thuế

lên đến 01 năm. Italia cho phép hoãn thuế, tuy nhiên chỉ cho phép đối với các ngành nghề bị ảnh hưởng nặng nề như du lịch, giáo dục, vận tải hành khách, quán bar, nhà hàng, khu vui chơi,... Chỉ thực hiện giảm thuế đối với cơ sở giáo dục chịu ảnh hưởng bởi khủng hoảng kinh tế do dịch bệnh. Các chính sách miễn giảm đi kèm khảo sát, đánh giá thực tế cùng với bộ chỉ tiêu lọc cơ sở được thụ hưởng chứ không thực hiện hỗ trợ đều.

Đối với chính sách chi tiêu công, các quốc gia lựa chọn mở rộng ngân sách cho các địa phương (Hàn Quốc), tập trung chi tiêu công nhằm sử dụng vào các mục đích khác nhau như: 1) Phát triển các biện pháp phòng ngừa chống lây lan và tăng cường tái thiết khôi phục trường học cho dịch bệnh COVID-19 (Nhật, Thụy Điển); 2) Hỗ trợ người học, giáo viên, các mục tiêu giáo dục công bằng (các quốc gia Bắc Âu); 3) Phục hồi các hoạt động giáo dục sau khi bị kiềm chế (Nhật Bản 2,5% GDP 2022, Thụy Điển 3,7% GDP 2022); 4) Xây dựng lại cơ cấu đầu tư cho ứng phó giáo dục linh hoạt; 5) Nâng cao khả năng sẵn sàng cho tương lai (Indonesia).

Việt Nam có thể tham khảo theo thứ tự ưu tiên sau: 1) Phát triển các biện pháp phòng ngừa chống lây lan và tăng cường những nghiên cứu đầu tư cho ứng phó giáo dục linh hoạt; 2) Hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục bị ảnh hưởng nặng trong đại học; 3) Phục hồi các hoạt động giáo dục sau khi bị kiềm chế, xây dựng lại cơ cấu đầu tư linh hoạt cho giáo dục; 4) Nâng cao khả năng sẵn sàng cho tương lai.

2.2.2. Chính sách hỗ trợ người học, giáo viên

Các chính sách hỗ trợ thường được thể hiện dưới dạng các gói chi tiêu công của Nhà nước để hỗ trợ cơ sở giáo dục trực tiếp bằng tài chính hoặc thông qua các biện pháp hỗ trợ phi tài chính khác hay thông qua các gói hỗ trợ cho người lao động trong cơ sở giáo dục. Các hình thức hỗ trợ thông thường bao gồm: Trợ cấp tiền mặt, hình thức này có ở phần lớn các quốc gia; Cho vay ưu đãi theo các hình thức cho vay không lãi suất, không cần tài sản đảm bảo thông qua các tổ chức tài chính, gia hạn thời gian đáo hạn, hoãn thanh toán khoản vay, hỗ trợ thu hồi tín dụng đối với các cơ sở giáo dục có nhu cầu (Nhật Bản, Hàn Quốc, New Zealand); Hoãn thuế và bảo hiểm cho cơ sở giáo dục bị thiệt hại nặng về kinh tế (Hàn Quốc); Hỗ trợ chuyển đổi số (phần lớn các quốc gia); Hỗ trợ tài chính cho người học (Bi, Phần Lan, Hi Lạp, Italia). Hỗ trợ tài chính cho học sinh và giáo viên bao gồm miễn giảm học phí, cung cấp thiết bị, hỗ trợ giáo viên và tư vấn tinh cảm. Nhiều quốc gia, như Bi, Phần Lan, Hi Lạp và Italia đã thực hiện các biện pháp này để đảm bảo không có học sinh bị gián đoạn học tập do khó khăn kinh tế. Hỗ trợ tài chính đặc thù để đảm bảo công bằng trong giáo dục được thực hiện bởi Bồ Đào Nha và Lithuania, trong khi Nhật Bản đã thực hiện hỗ trợ tài chính để tái thiết cơ sở giáo dục sau đại

dịch. Bên cạnh đó, nhiều quốc gia đã hỗ trợ giáo viên về khả năng phục hồi, cung cấp công cụ giảng dạy và hỗ trợ công nghệ, như Bồ Đào Nha, Italia, Estonia, Phần Lan, Đan Mạch, Iceland, Latvia, Na Uy và Thụy Điển. Các quốc gia Chile, New Zealand, Tây Ban Nha, Canada, Italia và Thụy Điển cũng cung cấp hỗ trợ tư vấn tinh cảm xã hội cho giáo viên và trợ cấp thêm cho giáo viên lên lớp dạy trực tiếp trong thời kì trường học đóng cửa. Tuy nhiên, việc thực hiện chính sách hỗ trợ căn cứ vào tình hình cụ thể của từng quốc gia, mức độ tổn thương và cần phục hồi sau đại dịch.

2.2.3. Chính sách hỗ trợ an sinh xã hội

Các chính sách hỗ trợ an sinh xã hội được thực hiện bởi nhiều quốc gia thông qua hoạt động hỗ trợ tài chính cho người lao động qua hệ thống trợ cấp cho nhân viên (không phân biệt tạm thời hay dài hạn như tại Australia), cấm sa thải vì lí do kinh tế đối với những cơ sở giáo dục đặc thù được Chính phủ hỗ trợ (Italia), gia hạn thẻ giao thông các phương tiện công cộng cho học sinh và sinh viên (Hà Lan), hoãn đóng góp an sinh xã hội cho các công ti và cá nhân tự kinh doanh để giảm bớt gánh nặng gia đình, hỗ trợ thêm cho điều kiện học tập của trẻ em (Thụy Điển), tăng cường hỗ trợ chăm sóc trẻ em, hỗ trợ gia đình có trẻ em và hoàn cảnh thu nhập thấp (Slovakia, Singapore, Hàn Quốc, Mĩ).

Chính sách hỗ trợ cho người lao động trong ngành Giáo dục được thiết kế dựa trên các tiêu chí về mức độ ảnh hưởng tài chính và sức khỏe của họ. Phần lớn các chính sách xã hội đối phó với COVID-19 trong lĩnh vực giáo dục tập trung vào giải quyết các vấn đề xã hội mới nảy sinh liên quan đến các nhóm dễ bị tổn thương. Các chính sách đối phó trong giai đoạn phục hồi sau COVID-19 chưa được đề cập đầy đủ hoặc chưa được thảo luận sâu. Một số chính sách có thể phù hợp với phản ứng ngay lập tức, nhưng khó áp dụng trong dài hạn khi COVID-19 đã trở thành một phần của cuộc sống thay vì một đại dịch như hiện tại.

Việt Nam cần mở rộng phạm vi chính sách xã hội ứng phó với COVID-19 trong lĩnh vực giáo dục để đảm bảo các nhóm xã hội yếu thế bị ảnh hưởng bởi đại dịch sẽ được bảo vệ. Tuy nhiên, Việt Nam cần xem xét sự khác biệt về tiềm lực kinh tế với các quốc gia đã phát triển khi triển khai các gói hỗ trợ trên diện rộng.

3. Kết luận

Trong giai đoạn 2023-2025, giáo dục Việt Nam cần tập trung vào những vấn đề cụ thể như sau:

Một là, hợp tác để thích ứng trong giáo dục, tập trung vào giá trị của hợp tác nhằm thích ứng với những thách thức do COVID-19 đặt ra bao gồm: trí tuệ nhân tạo, chiến lược cho những kiến thức mới, học tập kinh nghiệm để phát triển bền vững trong giáo dục, lớp học đảo ngược và trò chơi hóa, chia sẻ kiến thức, xóa

đổi giảm nghèo, học tập phục vụ cộng đồng... Việt Nam cần có tư duy tích cực rằng cuộc khủng hoảng COVID-19 đòi hỏi những cách tiếp cận mới và “các trường học linh hoạt” với chiến lược phù hợp sẽ mang lại kết quả tốt hơn.

Hai là, chấp nhận sự không chắc chắn và xây dựng khả năng phục hồi, tập trung vào việc thực hiện những khảo sát đánh giá thực tiễn trong nhiều cấp học thuộc hệ thống giáo dục, đối diện và xây dựng giải pháp đối phó với căng thẳng, sức khỏe tâm thần, từ đó xây dựng các chiến lược phục hồi, bao gồm những thay đổi về phương pháp sư phạm trong chương trình giảng dạy, chiến lược xây dựng khả năng phục hồi, lòng trắc ẩn, căng thẳng của sinh viên, sức khỏe tâm thần của học giả, liệu pháp tập trung vào chấn thương, sử dụng các công cụ tạo động lực.

Ba là, Các nội dung này bao gồm chuyển đổi lớp học, phát triển năng lực bền vững, phát triển truyền thông xã hội như một công cụ giáo dục, các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên, các yếu tố ảnh hưởng đến ý định nghề nghiệp của sinh viên, kiểm tra đánh giá, thúc đẩy việc tích hợp các mục tiêu phát triển bền vững, nhận thức của sinh viên về môi trường trực tiếp (học tập trực tiếp và kết hợp trực tuyến kỹ thuật số), môi trường học không và có đại dịch, vị thế của các trường và chất lượng mang tính chuyển đổi trong giáo dục.

Lời cảm ơn: Bài viết thuộc đề tài độc lập cấp Quốc gia: Tác động của đại dịch COVID-19 đến phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam: Thực trạng, những vấn đề đặt ra và khuyến nghị chính sách, Mã số: ĐTDL.XH-09/21.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (29/3/2022), Kế hoạch số 353/KH-BGDĐT Kế hoạch tổng thể của ngành Giáo dục thích ứng với tình hình dịch COVID-19, bảo đảm tổ chức dạy và học an toàn, chất lượng.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (18/4/2023), Công văn số 1687/BGDĐT-GDTC về Tăng cường công tác phòng, chống dịch COVID-19 trong trường học.
- [3] Krishnamurthy, S, (2020), *The future of business education: A commentary in the shadow of the COVID-19 pandemic*, <https://doi.org/10.1016/j.jbusres.2020.05.034>.
- [4] Baber, H, (2021), *Social Interaction and Effectiveness of the Online Learning - A Moderating Role of Maintaining Social Distance during the Pandemic COVID-19*, <https://doi.org/10.1108/AEDS-09-2020-0209>.
- [5] S. Chauhan, S. G, (2022), *Examining continuance intention in business schools with digital classroom methods during COVID-19: a comparative study of India and Italy*, <https://doi.org/10.1080/0144929X.2021.1892191>.
- [6] David Máté Hargitai, F. P, (2021), *Integrating Business Students' E-Learning Preferences into Knowledge Management of Universities after the COVID-19 Pandemic*, DOI:10.3390/su13052478.
- [7] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Báo cáo Tổng kết các năm 2019, 2020, 2021, 2022, 2023*.
- [8] *Báo cáo tổng hợp của các Vụ, cơ sở, địa phương về rà soát tác động của đại dịch COVID-19 (2020, 2021)*.
- [9] Ritika Mahajan, W. M, (2020), *COVID-19 and management education: From pandemic to endemic*.

EDUCATION RESPONSE TO COVID-19 PANDEMIC: INTERNATIONAL EXPERIENCE AND POLICY IMPLICATIONS FOR VIETNAM

Phạm Thu Phương*¹, Trần Thị Lan Hương²,
Vĩnh Bảo Ngọc³

* Corresponding author

¹ Email: phuonngpt@vnu.edu.vn
VNU University of Economics and Business,
Vietnam National University, Hanoi
144 Xuan Thuy street, Cau Giay district,
Hanoi, Vietnam

² Email: lanhuongviames@yahoo.com
Vietnam Academy of Social Sciences
No.1 Lieu Giai street, Ba Dinh district,
Hanoi, Vietnam

³ Email: ngocvb@vnu.edu.vn
Vietnam National University, Hanoi
144 Xuan Thuy street, Cau Giay district,
Hanoi, Vietnam

ABSTRACT: *The coronavirus (COVID-19) was discovered for the first time in Wuhan, Hubei province, China, posing unprecedented challenges to all nations. Globally, the pandemic has severely impacted all facets of socio-economic life, including education. Each nation maintains, modifies, or proposes new short- and long-term economic and social policies to ensure the achievement of post-pandemic recovery objectives. This article reviews international education response strategies to the pandemic and challenges confronting the Vietnamese education sector, therefore providing some implications for the post-pandemic development of Vietnam's education.*

KEYWORDS: COVID-19, education, policy, experience, Vietnam.